

**UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1036/SNN-PC

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 5 năm 2019

V/v lấy ý kiến dự thảo Thông tư hướng
dẫn một số nội dung quản lý đầu tư
công trình lâm sinh

Kính gửi: - Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở;
- Phòng Quản lý xây dựng công trình Sở;
- Chi cục Kiểm lâm;
tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ Công văn số 3323/BNN-TCLN ngày 14/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh.

Sở Nông nghiệp và PTNT chuyển đến thủ trưởng đơn vị nội dung văn bản trên để xem xét, góp ý. Nội dung văn bản góp ý đề nghị quý cơ quan gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua phòng Pháp chế), từ nay đến hết ngày **07/6/2019** (đồng thời gửi file góp ý qua địa chỉ: phongpc.sonnptnt@soctrang.gov.vn) để tổng hợp.

(Công văn số 3323/BNN-TCLN ngày 14/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT được đăng tải trên Công thông tin điện tử của Sở tại trang: <https://sonnptnt.soctrang.gov.vn/>, mục Lấy ý kiến dự thảo văn bản)./. *lu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, PC.

**TL. GIÁM ĐỐC
P. CHÁNH VĂN PHÒNG**



Lê Thị Kim Nhung

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3323/BNN-TCLN

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2019

V/v đề nghị góp ý dự thảo Thông tư
Hướng dẫn một số nội dung quản lý
đầu tư công trình lâm sinh

Kính gửi:

Thực hiện Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2019, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì xây dựng dự thảo Thông tư Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh.

Để tiếp tục hoàn thiện Dự thảo Thông tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Quý cơ quan tham gia góp ý đối với hồ sơ Dự thảo Thông tư (gồm dự thảo Thông tư và Tờ trình) được đăng trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ (Mục Lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo VBPL), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Mục lấy ý kiến dự thảo VBPL) và Tổng cục Lâm nghiệp (Mục Góp ý văn bản).

Văn bản góp ý gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Lâm nghiệp), địa chỉ: số 02, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội; bản điện tử qua hòm thư điện tử: buihainhung79@gmail.com trước ngày 15/7/2019 để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ PC Bộ;
- Lưu: VT, TCLN. <130>

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hà Công Tuấn

Số: /2019/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Dự thảo 16 (11.5.2019)

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Căn cứ Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm Nghiệp;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh,

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh gồm: Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế và dự toán công trình lâm sinh; nghiệm thu công trình lâm sinh, khoán bảo vệ rừng; xử lý rủi ro do các nguyên nhân bất khả kháng đối với công trình lâm sinh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, cộng đồng dân cư liên quan đến việc triển khai công trình lâm sinh trong các dự án đầu tư có sử dụng nguồn vốn đầu tư công, gồm: vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn từ nguồn

thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư.

2. Khuyến khích các chủ đầu tư sử dụng các nguồn vốn hợp pháp khác áp dụng các quy định, hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Công trình lâm sinh* là công trình xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn, được tạo thành từ việc thực hiện các hoạt động đầu tư lâm sinh theo thiết kế, dự toán, gồm: khoanh nuôi xúc tiến tái sinh; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung; nuôi dưỡng rừng tự nhiên; làm giàu rừng tự nhiên; cải tạo rừng tự nhiên; trồng mới rừng, trồng lại rừng; chăm sóc rừng trồng, nuôi dưỡng rừng trồng và các hoạt động liên quan khác.

2. *Nghiệm thu công trình lâm sinh* là hoạt động đánh giá để đưa ra kết luận về chất lượng thi công công trình lâm sinh sau khi đã hoàn thành so với thiết kế, tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật có liên quan.

3. *Nghiệm thu hoàn thành* là hoạt động đánh giá để xác định thành rừng sau giai đoạn đầu tư kiến thiết cơ bản đối với các công trình lâm sinh bao gồm: trồng rừng, cải tạo rừng tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung.

Chương II

LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ, DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH LÂM SINH

Điều 4. Thiết kế, dự toán công trình lâm sinh

1. Đối với các công trình lâm sinh đã được phê duyệt tại các quyết định phê duyệt dự án đầu tư, chủ đầu tư lập thiết kế, dự toán công trình lâm sinh. Đối với dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, việc lập thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được thực hiện đồng thời với việc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

2. Đối với các công trình lâm sinh sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp nhà nước: Chủ đầu tư lập thiết kế, dự toán một lần cho nhiều năm hoặc lập thiết kế, dự toán hàng năm theo kế hoạch ngân sách được giao.

3. Chủ đầu tư thuê tư vấn lập hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc tự lập khi có đủ điều kiện, năng lực.

4. Thành phần hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh.

a) Thuyết minh thiết kế công trình lâm sinh được lập theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Dự toán công trình lâm sinh được lập theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

b) Bản đồ thiết kế công trình lâm sinh: Xây dựng trên nền bản đồ địa hình theo hệ quy chiếu VN 2.000 với tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000. Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ áp dụng TCVN 11566:2016 về bản đồ quy hoạch lâm nghiệp.

Điều 5. Dự toán công trình lâm sinh

Dự toán công trình lâm sinh được tính toán trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành, các hạng mục chi phí, gồm:

1. Chi phí xây dựng

a) Chi phí trực tiếp, gồm:

Chi phí nhân công: chuẩn bị cây giống trong vườn ươm, hiện trường, trồng, chăm sóc, kiểm tra, giám sát, bảo vệ rừng và chi phí khác có liên quan.

Chi phí máy và thiết bị thi công: làm đất, vận chuyển cây con bằng máy; san, ủi mặt bằng, làm đường ranh cản lửa và chi phí khác có liên quan.

Chi phí vật tư: cây giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

b) Chi phí chung: được tính bằng 5,0% chi phí trực tiếp, gồm:

Chi phí trang bị bảo hộ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường cho người lao động và môi trường xung quanh.

Chi phí vận chuyển máy móc, thiết bị thi công và lực lượng lao động đến và ra khỏi công trường.

Chi phí bảo đảm an toàn giao thông phục vụ thi công (nếu có).

c) Thu nhập chịu thuế tính trước: là lợi nhuận dự tính trong dự toán xây dựng công trình, được tính bằng 5,5% tổng chi phí trực tiếp và chi phí chung.

d) Thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định của nhà nước.

2. Chi phí thiết bị, gồm: mua sắm thiết bị công nghệ (kể cả thiết bị công nghệ cần sản xuất, gia công), lắp đặt và thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị, vận chuyển, bảo hiểm thiết bị, đào tạo và chuyển giao công nghệ.

3. Chi phí quản lý: được tính bằng 3,0% của tổng chi phí xây dựng và chi phí thiết bị, gồm: chi phí tổ chức quản lý công trình từ giai đoạn chuẩn bị đến khi kết thúc, nghiệm thu đưa công trình lâm sinh vào khai thác sử dụng.

4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: được xác định bằng dự toán chi tiết, gồm: khảo sát; lập thiết kế, dự toán; giám sát xây dựng công trình và các chi phí tư vấn khác có liên quan.

5. Chi phí khác

a) Rà phá bom mìn, vật nổ.

b) Xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công; chi phí hoàn trả, phục hồi hạ tầng bị ảnh hưởng khi thi công.

c) Bảo hiểm công trình trong thời gian thực hiện công trình lâm sinh. Trường hợp công trình lâm sinh thuộc đối tượng khuyến khích mua bảo hiểm thì kinh phí mua bảo hiểm được tính vào tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

d) Kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

đ) Kiểm tra, nghiệm thu trong quá trình thi công và khi nghiệm thu hoàn thành công trình lâm sinh của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

e) Nghiên cứu khoa học công nghệ liên quan đến công trình lâm sinh; lãi vay trong thời gian xây dựng (trừ giá trị sản phẩm thu hồi được).

g) Thuế tài nguyên, phí và lệ phí theo quy định.

h) Các chi phí thực hiện các công việc khác.

6. Chi phí dự phòng

a) Chi phí dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh được tính bằng 5,0% của tổng chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác.

b) Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá được xác định trên cơ sở thời gian xây dựng công trình (tính bằng tháng, quý, năm), khả năng biến động giá trong nước và quốc tế.

7. Đối với bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên thực hiện bằng hình thức khoán cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng: giá trị khoán cho các đối tượng nhận khoán, chi phí lập hồ sơ và chi phí quản lý áp dụng định mức hỗ trợ của nhà nước theo các chính sách hiện hành.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh

1. Tờ trình đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán theo mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này.

3. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc kế hoạch vốn được giao đối với các dự án sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp nhà nước, các hồ sơ khác có liên quan.

Điều 7. Thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh

1. Cơ quan thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh

a) Đối với các dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đầu tư: Tổng cục Lâm nghiệp chủ trì thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh.

b) Đối với các dự án do các Bộ, ngành Trung ương khác quyết định đầu tư: Cơ quan có chuyên môn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh.

c) Đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh quyết

định đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh.

d) Đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư: Phòng có chức năng ở cấp huyện chủ trì thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh.

2. Cơ quan phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh: là người quyết định đầu tư dự án. Trường hợp cụ thể, người quyết định đầu tư có thể phân cấp hoặc ủy quyền phê duyệt cho cơ quan cấp dưới trực tiếp.

Đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư, chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức, đơn vị được Thủ tướng Chính phủ giao. Chủ đầu tư thực hiện thẩm quyền của người quyết định đầu tư, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh.

3. Quy trình thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh

a) Chủ đầu tư gửi 05 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh theo quy định tại Điều 6 Thông tư này trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về cơ quan chủ trì thẩm định.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thẩm định tổ chức thẩm định và có báo cáo kết quả thẩm định theo mẫu số 02 Phụ lục III, dự thảo quyết định phê duyệt theo mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

c) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan nhận hồ sơ có trách nhiệm trả lời chủ đầu tư trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định, cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh và chuyển trả kết quả cho chủ đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

4. Đối với các công trình lâm sinh sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp nhà nước. Trên cơ sở kinh phí được giao hàng năm, chủ đầu tư tự phê duyệt thiết kế và dự toán.

Điều 8. Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh

1. Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh trong các trường hợp:

a) Khi dự án đầu tư có yêu cầu điều chỉnh thiết kế công trình lâm sinh.

b) Khi có thay đổi về kinh phí được bố trí hàng năm đối với những công trình lâm sinh sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp nhà nước.

2. Hồ sơ điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6; thẩm định và phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

3. Trường hợp chỉ điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí, không làm thay đổi giá trị dự toán công trình lâm sinh đã được phê duyệt bao gồm cả chi phí dự

phòng, chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh và báo cáo người quyết định đầu tư về nội dung điều chỉnh dự toán công trình lâm sinh.

4. Chủ đầu tư tổ chức xác định dự toán công trình lâm sinh điều chỉnh làm cơ sở để điều chỉnh giá trị hợp đồng.

Chương III

NGHIỆM THU VÀ XỬ LÝ RỦI RO CÔNG TRÌNH LÂM SINH TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ

Điều 9. Quy định chung về nghiệm thu công trình lâm sinh

1. Thành phần nghiệm thu:

a) Đại diện chủ đầu tư: Lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, cán bộ giám sát công trình lâm sinh.

b) Đại diện đơn vị hoặc cá nhân thi công công trình lâm sinh.

c) Đại diện đơn vị tư vấn thiết kế tham gia theo đề nghị của chủ đầu tư

d) Đại diện đơn vị tư vấn giám sát công trình lâm sinh (nếu có)

đ) Trường hợp chủ đầu tư không phải là chủ quản lý, chủ sử dụng công trình thì khi nghiệm thu chủ đầu tư có thể mời chủ quản lý, chủ sử dụng công trình tham gia chứng kiến nghiệm thu.

e) Đại diện tổ chức, chính quyền xã, thôn bản, hợp tác xã tham gia theo đề nghị của chủ đầu tư.

2. Hồ sơ nghiệm thu

a) Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu (nếu có).

b) Thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được cấp thẩm quyền phê duyệt.

c) Hợp đồng thực hiện công trình lâm sinh.

d) Báo cáo kết quả thực hiện công trình lâm sinh.

đ) Biên bản nghiệm thu theo mẫu 04 quy định tại Phụ lục III Thông tư này.

e) Hồ sơ liên quan khác.

3. Nội dung nghiệm thu công trình lâm sinh

a) Nghiệm thu hàng năm: Xác định được khối lượng, chất lượng các hạng mục công việc được thực hiện làm cơ sở để tạm ứng, thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành và quyết toán công trình,

b) Nghiệm thu hoàn thành: Áp dụng đối với các công trình lâm sinh Xác định được diện tích thành rừng để quản lý theo quy chế quản lý rừng quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Điều 10. Nghiệm thu trồng rừng

1. Thời điểm nghiệm thu:

a) Nghiệm thu hàng năm: được tiến hành sau khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật.

b) Nghiệm thu hoàn thành: được thực hiện sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư trồng rừng.

2. Nghiệm thu khối lượng, gồm: kiểm tra thực địa toàn bộ diện tích, xác định vị trí ranh giới, đối chiếu với bản đồ thiết kế, khoanh vẽ và xác định tỷ lệ thực hiện bằng đo đạc trực tiếp.

3. Nghiệm thu chất lượng theo các tiêu chuẩn kỹ thuật trồng rừng được quy định trong thiết kế kỹ thuật được duyệt, cụ thể:

a) Đối với rừng trồng tập trung thuần loài: lập ô tiêu chuẩn có diện tích là 100 m^2 trên tuyến đại diện của lô nghiệm thu, số lượng ô tiêu chuẩn tối thiểu được quy định như sau:

Diện tích lô dưới 3 ha: 10 ô tiêu chuẩn.

Diện tích lô từ 3 đến dưới 5 ha: 15 ô tiêu chuẩn.

Diện tích lô từ 5 ha trở lên: tối thiểu 20 ô tiêu chuẩn.

b) Đối với rừng trồng tập trung hỗn loài: lập ô tiêu chuẩn có diện tích tối thiểu 500 m^2 trên tuyến đại diện của lô nghiệm thu, số lượng ô tiêu chuẩn tối thiểu được quy định như sau

Diện tích lô dưới 3 ha: 3 ô tiêu chuẩn.

Diện tích lô từ 3 đến dưới 5 ha: 5 ô tiêu chuẩn.

Diện tích lô từ 5 ha trở lên: 10 ô tiêu chuẩn.

c) Đối rừng trồng theo băng: dùng phương pháp rút mẫu ngẫu nhiên để kiểm tra tối thiểu 10% số băng trồng rừng trong lô; đo, đếm số lượng cây trên toàn bộ băng trồng. Trường hợp số băng trong lô nhỏ hơn 10 phải kiểm tra ít nhất 01 băng.

d) Đối với rừng trồng theo đám: dùng phương pháp rút mẫu ngẫu nhiên để kiểm tra tối thiểu 10% số đám trồng rừng cải tạo trong lô; Trường hợp đám trồng có diện tích dưới 1000 m^2 tiến hành đo, đếm số lượng cây trên toàn bộ đám trồng. Trường hợp diện tích đám trồng lớn hơn 1000 m^2 lập ô tiêu chuẩn theo quy định tại khoản mục a, mục b khoản này.

4. Các chỉ tiêu nghiệm thu, biện pháp xử lý: Thực hiện theo hướng dẫn tại mục I, phụ lục II Thông tư này.

Điều 11. Nghiệm thu cải tạo rừng tự nhiên

1. Thời điểm nghiệm thu:

a) Nghiệm thu hàng năm: được tiến hành sau khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật.

b) Nghiệm thu hoàn thành: được thực hiện sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư kiến thiết cơ bản.

2. Phương pháp tiến hành thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

3. Các chỉ tiêu nghiệm thu thực hiện theo hướng dẫn tại Mục I, Phụ lục II Thông tư này.

Điều 12. Nghiệm thu khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung.

1. Thời điểm nghiệm thu:

a) Nghiệm thu hàng năm: được tiến hành sau khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật.

b) Nghiệm thu hoàn thành: được thực hiện sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư kiến thiết cơ bản.

2. Phương pháp tiến hành

a) Nghiệm thu khối lượng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

b) Nghiệm thu chất lượng

Đối với diện tích trồng rừng bổ sung thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

Đối với diện tích không trồng rừng bổ sung thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

3. Các chỉ tiêu nghiệm thu thực hiện theo hướng dẫn tại Mục V, Phụ lục II Thông tư này.

Điều 13. Nghiệm thu khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên

1. Thời điểm nghiệm thu:

a) Nghiệm thu hàng năm: được tiến hành sau khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật.

b) Nghiệm thu hoàn thành: được thực hiện sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư kiến thiết cơ bản.

2. Phương pháp tiến hành

a) Nghiệm thu khối lượng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

b) Nghiệm thu chất lượng theo các tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định trong thiết kế kỹ thuật được duyệt, lập ô tiêu chuẩn để đánh giá các chỉ tiêu nghiệm thu, cụ thể:

Ô tiêu chuẩn có diện tích tối thiểu 1000 m² trên tuyến đại diện của lô nghiệm thu, số lượng ô tiêu chuẩn tối thiểu được quy định như sau:

Diện tích lô dưới 3 ha: 1 ô tiêu chuẩn.

Diện tích lô từ 3 đến dưới 5 ha: 3 ô tiêu chuẩn.

Diện tích lô từ 5 ha trở lên: 5 ô tiêu chuẩn.

3. Các chỉ tiêu nghiệm thu thực hiện theo hướng dẫn tại Mục IV, Phụ lục II Thông tư này.

Điều 14. Nghiệm thu chăm sóc rừng trồng.

1. Thời điểm nghiệm thu: được tiến hành hàng năm sau khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật.

2. Phương pháp tiến hành: thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

3. Các chỉ tiêu nghiệm thu: thực hiện theo hướng dẫn tại Mục II, Phụ lục II Thông tư này.

Điều 15. Nghiệm thu khoán bảo vệ rừng.

1. Thời điểm nghiệm thu: được tiến hành vào cuối năm kế hoạch.

2. Phương pháp tiến hành: kiểm tra thực địa toàn bộ diện tích, căn cứ bản đồ thiết kế để xác định vị trí, ranh giới, tỷ lệ kết quả thực hiện, cụ thể:

a) Trường hợp 100% diện tích rừng không bị tác động phá hoại: được nghiệm thu và thanh toán 100% giá trị hợp đồng.

b) Trường hợp rừng bị phá hoại (chặt phá, xâm lấn, phát, đốt rừng làm nương, rẫy, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng trái pháp luật...), căn cứ tình hình cụ thể sẽ xác định thanh toán giá trị thực hiện hợp đồng theo tỷ lệ, cụ thể:

Người nhận khoán bảo vệ rừng, người nhận hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng được giao phát hiện rừng bị xâm hại và báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền (bên giao khoán hoặc chính quyền địa phương hoặc kiểm lâm địa bàn): hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ rừng và được thanh toán tiền công bảo vệ theo hợp đồng.

Người nhận khoán bảo vệ rừng, người nhận hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng được giao không phát hiện được rừng bị xâm hại, hoặc phát hiện nhưng không báo cho cơ quan có thẩm quyền: được thanh toán tiền công bảo vệ đối với diện tích rừng không bị xâm hại; đối với diện tích rừng bị xâm hại thì tùy theo mức độ, sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nghiệm thu nuôi dưỡng rừng trồng.

1. Thời gian nghiệm thu: được tiến hành hàng năm sau khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật.

2. Phương pháp tiến hành: thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

3. Các chỉ tiêu nghiệm thu thực hiện theo hướng dẫn tại Mục III, Phụ lục II Thông tư này.

Điều 17. Nghiệm thu nuôi dưỡng rừng tự nhiên

1. Thời điểm nghiệm thu: được tiến hành hàng năm sau khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật.

2. Phương pháp tiến hành: thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này.

3. Các chỉ tiêu nghiệm thu: thực hiện theo hướng dẫn tại Mục IV, Phụ lục II Thông tư này.

Điều 18. Nghiệm thu làm giàu rừng tự nhiên

1. Thời điểm nghiệm thu: được tiến hành hàng năm sau khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật.

2. Nghiệm thu khối lượng, thực hiện theo khoản 2 Điều 10 Thông tư này

3. Nghiệm thu chất lượng, thực hiện theo điểm c, điểm d khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

4. Các chỉ tiêu nghiệm thu thực hiện theo hướng dẫn tại Mục V, Phụ lục II Thông tư này.

Điều 19. Xử lý rủi ro do các nguyên nhân bất khả kháng đối với công trình lâm sinh

1. Xử lý rủi ro do thiên tai.

Chủ đầu tư lập biên bản đánh giá tình hình thiệt hại, xác định nguyên nhân, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định điều chỉnh dự án đầu tư; điều chỉnh thiết kế và dự toán công trình lâm sinh.

Đối với công trình lâm sinh sử dụng vốn ngoài ngân sách, chủ đầu tư đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ thiệt hại theo quy định tại nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 9/01/2017 về Cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai dịch bệnh.

Việc thống kê, đánh giá và báo cáo tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra, được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Xử lý rủi ro do các nguyên nhân khác.

Tùy theo quy mô và mức độ thiệt hại, chủ đầu tư lập biên bản đánh giá tình hình thiệt hại, xác định nguyên nhân, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét xử lý.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Tổng cục Lâm nghiệp

1. Chủ trì, hướng dẫn thực hiện công tác quản lý công trình lâm sinh của các Bộ ngành, địa phương.

2. Tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh của các dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đầu tư.

3. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác lập, phê duyệt, thực hiện công trình lâm sinh của cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp các cấp.

4. Tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xử lý các vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện Thông tư này của các cơ quan, đơn vị.

Điều 21. Trách nhiệm của cấp quyết định đầu tư

Người quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này có trách nhiệm:

1. Quyết định việc phân cấp, ủy quyền thực hiện công tác thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh trên địa bàn phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện cụ thể.

2. Thực hiện các quyền, trách nhiệm của người quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật đối với các dự án do mình quyết định đầu tư.

3. Kiểm tra công tác thẩm định của các cơ quan chuyên môn trực thuộc, xử lý, giải quyết kịp thời các vướng mắc về quy trình, thủ tục.

Điều 22. Xử lý chuyển tiếp và hiệu lực thi hành

1. Đối với việc thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh

a) Thiết kế, dự toán công trình lâm sinh đã trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định trước ngày Thông tư này có hiệu lực không phải trình thẩm định lại; chủ đầu tư thực hiện thẩm định theo quy định trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư này.

b) Việc điều chỉnh thiết kế và dự toán công trình lâm sinh sau ngày Thông tư này có hiệu lực được thực hiện theo quy định của Thông tư này.

2. Hiệu lực thi hành

a) Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019.

b) Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan phản ánh kịp thời cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận :

- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;
- Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị liên quan thuộc Bộ NN &PTNT;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng TTĐT: Chính phủ, Bộ NN&PTNT;
- Lưu VT, TCLN

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hà Công Tuấn